**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN SINH HỌC LỚP 10** (*Thời gian làm bài 45 phút)*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Số tiết** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | | **Số CH** | | **Thời gian** |
| Số CH | Thời gian | Số CH | Thời gian | Số CH | Thời gian | Số CH | Thời gian | TN | TL |
| **1** | **Thông tin tế bào** | - Khái niệm  - Quá trình | 2 | 2 | 1,5 | 4 | 4 |  |  |  |  | 6 |  | 7,5 | 15% |
| **2** | **Chu kì tế bào và phân bào** | - Chu kì tế bào và nguyên phân  - Quá trình giảm phân | 9 | 8 | 6 | 8 | 8 | 2 | 9 | 1 | 12 | 16 | 3 | 33 | 70% |
| **3** | **Công nghệ tế bào** | - Công nghệ tế bào | 2 | 6 | 4,5 |  |  |  |  |  |  | 6 |  | 4,5 | 15% |
| ***Tổng*** | | |  | **16** |  | **12** |  | **2** |  | **1** |  | **28** | **3** | **45** |  |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** |  | **100** |

**Ghi chú:**

- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu, mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **VD cao** |
| **1** | **Thông tin tế bào** | - Khái niệm  - Quá trình | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm về thông tin giữa các tế bào.  **Thông hiểu**  - Dựa vào sơ đồ thông tin giữa các tế bào, trình bày được các quá trình:  + Tiếp nhận: Một phân tử truyền tin liên kết vào một protein thụ thể làm thụ thể thay đổi hình dạng;  + Truyền tin: các chuỗi tương tác phân tử chuyển tiếp tín hiệu từ các thụ thể tới các phân tử đích trong tế bào;  + Đáp ứng: Tế bào phát tín hiệu điều khiển phiên mã, dịch mã hoặc điều hoà hoạt động của tế bào. | 2 | 4 |  |  |
|  | **Chu kì tế bào và phân bào** | - Chu kì tế bào và nguyên phân  - Quá trình giảm phân | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm chu kì tế bào.  - Nêu được một số biện pháp phòng tránh ung thư.  **Thông hiểu**  - Dựa vào sơ đồ, trình bày được các giai đoạn trong chu kì tế bào.  - Dựa vào sơ đồ, trình bày được mối quan hệ giữa các giai đoạn trong chu kì tế bào.  - Dựa vào cơ chế nhân đôi và phân li của nhiễm sắc thể, giải thích được quá trình nguyên phân là cơ chế sinh sản của tế bào.  - Trình bày được một số nhân tố ảnh hưởng đến quá trình giảm phân.  - Lập được bảng so sánh quá trình nguyên phân và quá trình giảm phân.  - Trình bày được một số thông tin về bệnh ung thư ở Việt Nam.  **Vận dụng**  - Giải thích được sự phân chia tế bào một cách không bình thường có thể dẫn đến ung thư.  - Dựa vào cơ chế nhân đôi và phân li của nhiễm sắc thể để giải thích được quá trình giảm phân, thụ tinh cùng với nguyên phân là cơ sở của sinh sản hữu tính ở sinh vật.  **Vận dụng cao**  - Vận dụng kiến thức về nguyên phân vào giải thích một số vấn đề trong thực tiễn.  - Vận dụng kiến thức về giảm phân vào giải thích một số vấn đề trong thực tiễn.  - Thực hành làm được tiêu bản nhiễm sắc thể để quan sát quá trình nguyên phân (hành tây, hành ta, đại mạch, cây tỏi, lay ơn, khoai môn,...).  - Làm được tiêu bản quan sát quá trình giảm phân ở tế bào thực vật (hoa hành,...).  - Làm được tiêu bản quan sát quá trình giảm phân ở tế bào động vật (châu chấu đực,...). | 8 | 8 | 2 | 1 |
| **3** | **Công nghệ tế bào** | - Công nghệ tế bào | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm công nghệ tế bào thực vật.  - Nêu được nguyên lí công nghệ tế bào thực vật.  - Nêu được một số thành tựu của công nghệ tế bào thực vật.  - Nêu được khái niệm công nghệ tế bào động vật.  - Nêu được nguyên lí công nghệ tế bào động vật.  - Nêu được một số thành tựu của công nghệ tế bào động vật. | 6 |  |  |  |
| **Tổng** | | | | **16** | **12** | **2** | **1** |